

**NHẬN THỨC VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ
Ở NƯỚC TA TỪ 1945 ĐẾN NAY
TRONG SỬ HỌC HIỆN ĐẠI**

PHẠM XUÂN HẰNG⁺

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi, nhưng cuộc đấu tranh cách mạng của dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản vẫn tiếp diễn. Đây cũng chính là cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống chính trị đối lập, tồn tại có lúc song song trên phạm vi cả nước. Dưới những góc độ và mức độ khác nhau, các hệ thống chính trị ấy và các bộ phận cấu thành hệ thống đã là đối tượng nghiên cứu của khoa học xã hội, trong đó có khoa học lịch sử.

Do hạn chế về thời gian, chúng tôi chưa thể sưu tầm đầy đủ các ấn phẩm chuyên khảo, các bài tạp chí đã đề cập vấn đề này. Bước đầu chúng tôi thử khái quát tình hình nghiên cứu về hệ thống chính trị qua các bài viết đăng trên tạp chí Nghiên cứu lịch sử - một tạp chí có uy tín và có vị trí trong quá trình phát triển nền sử học Việt Nam hiện đại.

Tuy nhiên chúng tôi không có tham vọng trình bày đầy đủ những vấn đề thuộc hệ thống chính trị đã được giới nghiên cứu lịch sử nêu ra, mà chỉ tập trung khái quát nhân quan sử học qua các vấn đề:

- Khái niệm "Hệ thống chính trị" và các yếu tố nội hàm của nó.
- Các mối quan hệ hệ thống trong các hệ thống chính trị của Việt Nam từ 1945 đến nay.
- Hệ thống chính trị Ngụy quyền Sài Gòn.

1. Khái niệm "Hệ thống chính trị" và các yếu tố nội hàm của nó

1.1. Thuật ngữ "Hệ thống chính trị" đã được giải thích trong một số từ điển nước ngoài và được định nghĩa trong một số tài liệu ở nước ta. Trong cuốn Triết học Mác - Lênin (chương trình cao cấp) Hệ thống chính trị được hiểu là "Tổng thể các tổ chức chính trị của xã hội được chính thức thừa nhận về mặt pháp lý nhằm thực hiện quyền lực chính trị của xã hội đó. Hệ thống này bao gồm: Nhà nước, các chính đảng, các nghiệp đoàn và các tổ chức chính trị khác, trong đó Nhà nước là yếu tố cơ bản nhất" ⁽¹⁾. Khái niệm này trước hết bao hàm các tổ chức chính trị của giai cấp cầm quyền, đồng thời cả

(+) PTS. Đại học tổng hợp Hà nội

những tổ chức chính trị có xu hướng chính trị đối lập (không hoặc chưa bị đặt ngoài vòng pháp luật). Như thế, hệ thống chính trị ở đây được quan niệm là hệ thống chính trị của xã hội.

Tại giáo trình Luật Nhà nước, theo chúng tôi, lại có một định nghĩa dường như là hẹp hơn định nghĩa dẫn trên vì nó chỉ là "Hệ thống các tổ chức mà thông qua đó giai cấp thống trị thực hiện quyền lực chính trị trong xã hội" ⁽²⁾. Bằng vào những mệnh đề của định nghĩa ta thấy những tổ chức chính trị xã hội nào là phương tiện để giai cấp thống trị thực thi quyền lực thống trị mới thuộc hệ thống chính trị, còn những tổ chức chính trị xã hội nào có xu hướng chính trị dị biệt hoặc đối kháng tuy tồn tại hợp hiến nhưng vẫn không thuộc hệ thống chính trị. Như vậy, theo định nghĩa trên khái niệm "Hệ thống chính trị" dùng để chỉ hệ thống chính trị của giai cấp cầm quyền chứ không phải của xã hội có giai cấp. Cũng có thể có người hiểu rằng sự tồn tại hợp hiến của các xu hướng chính trị đối lập cũng là chỗ biểu thị quyền lực chính trị của giai cấp thống trị. Cho dù là như vậy, thì sự hiện diện hợp hiến của các xu hướng chính trị ấy không phải nảy sinh từ ý thức chủ quan của giai cấp thống trị mà do tình thế chính trị của xã hội quy định. Tính hợp hiến của các xu hướng chính trị đối lập là biểu thị thể ứng xử chính trị của toàn bộ hệ thống chính trị của xã hội chứ không phải chỉ là biểu hiện quyền uy chính trị của giai cấp cầm quyền. Xét cho cùng không một giai cấp thống trị nào muốn chia sẻ quyền lực với giai cấp đối địch khác.

1.2. Trong sử học Việt Nam hiện đại vấn đề khái niệm "Hệ thống chính trị", các yếu tố nội hàm của nó, các mối quan hệ hệ thống của các bộ phận cấu thành ... vẫn chưa được quan tâm thỏa đáng, đặc biệt là thực tại lịch sử xã hội Việt Nam từ 1945 đến nay với tư cách là các hệ thống chính trị vẫn chưa trở thành đối tượng nghiên cứu có quy mô. Tuy vậy, vấn đề Nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội sau năm 1945 đã được đề cập qua một số bài viết đăng trên tạp chí Nghiên cứu lịch sử với một tỷ lệ khiêm tốn (1,5%) so với tổng số các bài nghiên cứu. Trong số những bài nghiên cứu về mảng này có những bài đề cập đến các yếu tố tạo thành hệ thống chính trị. (như đã nêu ở mục 1.1.), nhưng kiến giải dưới góc độ "hệ chuyên chính".

1.3. Nền chuyên chính sau cách mạng tháng Tám 1945 đã được nhiều nhà sử học nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau. Có những tác giả đề cập đến vấn đề củng cố, bảo vệ chính quyền ⁽³⁾, hoặc quá trình hình thành và phát triển của Nhà nước ... Còn "Hệ chuyên chính" của xã hội Việt Nam từ sau 1945 chúng ta thấy mới có Văn Tạo lý giải đến kết cấu hệ thống và tính chất của hệ thống qua từng thời kỳ lịch sử ⁽⁴⁾.

Nhân dịp 20 năm nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Văn Tạo đã nhìn lại quá trình xây dựng và phát triển của Nhà nước Cách mạng. Ông coi quá trình ấy là quá trình xây dựng hệ chuyên chính dân chủ nhân dân ⁽⁵⁾ và hệ chuyên chính này hoàn toàn giống hệ chuyên chính vô sản, nhưng đường lối tổ chức và phát triển của nó như đường lối quần chúng, nguyên tắc dân chủ tập trung, quan hệ giữa các lực lượng chỉ đạo và các dây chuyền, đòn bẩy thì hoàn toàn giống hệ chuyên chính vô sản ⁽⁶⁾. Theo tác giả, "Hệ chuyên chính dân chủ nhân dân Việt Nam bao gồm:

- Đảng của giai cấp công nhân.
- Bộ máy chính quyền gồm Quốc hội, chính phủ, HĐND, UBHC các cấp, quân đội, công an ...
- Công đoàn.
- Nông hội.

- Thanh niên" (7).

Còn tổ chức phụ nữ, theo ông chỉ tham gia hệ chuyên chính trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, sau đó phụ nữ lao động tham gia hệ chuyên chính qua các tổ chức quần chúng như Công đoàn, Hợp tác xã, Thanh niên (8).

Xét theo khái niệm "Hệ thống chính trị" thì kết cấu hệ chuyên chính nói trên là bộ phận chủ yếu của hệ thống chính trị theo khái niệm rộng và đồng nhất với hệ thống chính trị theo khái niệm hẹp.

Tiếp tục nghiên cứu về Nhà nước cách mạng Việt Nam với chiều dài thời gian 40 năm tồn tại và phát triển, Văn Tạo đã đề xuất: "Nói đến Nhà nước kiểu mới của giai cấp vô sản thì không thể chỉ nói đến bộ máy chính quyền các cấp, mà phải kể đến cả một hệ thống chuyên chính của nó gọi tắt là chuyên chính vô sản, bao gồm cơ cấu chính quyền, Đảng lãnh đạo và các đoàn thể quần chúng" (9). Dựa vào những nhiệm vụ chiến lược do cách mạng ở mỗi thời kỳ lịch sử cụ thể đặt ra, Văn Tạo gọi Nhà nước dân chủ nhân dân giai đoạn 1945 - 1954 là nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân (10); ở giai đoạn 1954 - 1975 về hình thức vẫn là Nhà nước dân chủ nhân dân, nhưng về nội dung là làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản (11). Còn ở giai đoạn 1975 đến nay Nhà nước XHCN thực hiện chức năng chuyên chính vô sản (12).

Điều đáng lưu ý ở đây là tác giả quan niệm Nhà nước vô sản là toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản với các yếu tố hệ thống là: cơ cấu chính quyền (các cơ quan lập pháp, các cơ quan hành pháp, các cơ quan tư pháp), Đảng lãnh đạo (Đảng cộng sản), các đoàn thể quần chúng (công đoàn, nông hội hay hợp tác xã và Đoàn thanh niên).

1.4. Trong số những bài nghiên cứu về thể chế Nhà nước Cách mạng Việt Nam đăng trên tạp chí Nghiên cứu lịch sử, thì những bài của Văn Tạo bàn sâu rộng hơn cả về hệ thống chuyên chính. Mặc dù mỗi liên hệ của Mặt trận dân tộc thống nhất với hệ chuyên chính cũng đã được tác giả xác định, nhưng chỉ ở mức độ "Là chỗ dựa của nhà nước chuyên chính" (13) là "phạm trù cách mạng vô sản" (14) chứ chưa thấy tác giả coi Mặt trận là một yếu tố tham gia hệ chuyên chính dân chủ nhân dân, hoặc hệ chuyên chính vô sản, dù là trong một bài viết của mình tác giả nhận định rằng có lúc Mặt trận thực hiện chức năng chính quyền, hơn nữa lại đóng vai trò kiện toàn và phát triển các tổ chức tiền thân của hệ chuyên chính dân chủ nhân dân.

1.5. Bên cạnh quan điểm coi nhà nước của giai cấp vô sản là hệ thống chuyên chính vô sản, lại có quan điểm coi "nhà nước chỉ là một bộ phận trong toàn bộ hệ thống chính trị ở nước ta, mà trong hệ thống đó Đảng là tổ chức lãnh đạo cao nhất" (15).

Đương nhiên, cả hai quan điểm đều sử dụng thuật ngữ *Nhà nước* dùng để chỉ Nhà nước cách mạng của ta từ 1945 đến nay, nhưng một bên hiểu nhà nước theo nghĩa rộng (toàn bộ hệ chuyên chính, có nêu rõ các yếu tố cấu thành), còn một bên quan niệm nhà nước theo nghĩa hẹp (là một bộ phận của hệ thống chính trị). Kết quả là có hai khái niệm nhà nước.

1.6. Trên cơ sở những điều đã khảo sát được, chúng tôi có một vài suy nghĩ sau:

- Có nên đồng nhất nội hàm khái niệm "Nhà nước vô sản" (dù là nhà nước kiểu mới) với nội hàm khái niệm "hệ chuyên chính vô sản" hay không ?

- Hệ thống chính trị khi trở thành đối tượng nghiên cứu của sử học (tức trở thành phạm trù sử học) thì khái niệm của nó phải được xác định. Cơ sở để xác định khái niệm này là một thực tại lịch sử của một xã hội cụ thể tồn tại khách quan có tư cách là một hệ thống chính trị xã hội.

- Có hệ thống chính trị của giai cấp cầm quyền, có thể coi Hệ chuyên chính của giai cấp cầm quyền là hệ thống chính trị của nó và là một bộ phận của Hệ thống chính trị của một xã hội cụ thể trong một giai đoạn lịch sử cụ thể, trong đó hệ chuyên chính là một bộ phận vừa mang tính chất quy định tạo ra những yếu tố cấu thành hệ thống chính trị của xã hội, vừa mang tính quyết định sự tồn tại và phát triển của bản thân nó cũng như của toàn bộ hệ thống chính trị của xã hội. Bởi lẽ, nền chuyên chính của giai cấp cầm quyền trong xã hội có giai cấp luôn *phải* tồn tại trong *thế ứng xử chính trị* với những xu hướng chính trị khác biệt và đối lập khác, một khi những xu hướng đó được hiện diện hợp hiến. Thế ứng xử chính trị ở đây là sự qui tụ các mối quan hệ hệ thống của các bộ phận, các yếu tố cấu thành hệ thống chính trị của xã hội.

Thế ứng xử chính trị trong một hệ thống chính trị của một xã hội cụ thể sẽ làm nảy sinh những nhân tố hoặc thúc đẩy sự vận động đi lên của hệ thống, hoặc dần làm tan rã hệ thống. Nếu thừa nhận hệ thống chính trị theo cách hiểu trên thì trong nghiên cứu lịch sử trước hết phải xác định được yếu tố cấu thành của nó. Vì đây là tiền đề xem xét điều quan trọng nhất - mối quan hệ hệ thống, mà suy cho cùng mối quan hệ này chi phối đến mọi phương sách giữ hay giành chính quyền, nơi biểu thị quyền lực của giai cấp chiến thắng hay muốn chiến thắng.

2. Các mối quan hệ hệ thống trong hệ thống chính trị của Việt Nam từ sau 1945

2.1. Theo cách hiểu phổ quát thì hệ thống chính trị của xã hội bao gồm những yếu tố sau:

- Nhà nước.
- Các chính đảng.
- Các tổ chức xã hội.

Trong hệ thống chính trị của xã hội Việt Nam từ sau 1945 vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam nổi bật với tư cách là đảng cầm quyền. Trong nhóm "các chính đảng" ngoài Đảng cộng sản ra, có thời kỳ còn có một số chính đảng khác như Đảng Dân chủ, Đảng Xã hội. Trong nhóm "các tổ chức xã hội" có các đoàn thể của các tầng lớp xã hội, của các nghề nghiệp, của các giới và các tôn giáo. Ngoài tư cách độc lập tồn tại, các tổ chức xã hội này cùng với các chính đảng khác (nay chỉ còn là Đảng Cộng sản Việt Nam) tạo thành Mặt trận dân tộc thống nhất nay là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2.2. Trong sử học Việt Nam hiện đại, việc nghiên cứu các yếu tố trên trong một chính thể quả là chưa được sâu rộng, tình hình nghiên cứu ấy cũng được phản ánh qua tạp chí Nghiên cứu lịch sử (NCLS). Thường là giới sử học quan tâm đến từng bộ phận, từng thành tố một cách riêng rẽ, mặc dù có đề cập đến mối liên hệ này hay mối liên hệ khác cũng là nhằm khẳng định vai trò (cơ bản là tích cực) của nó trong tiến trình cách mạng của dân tộc. Điều dễ thấy là, nghiên cứu về Đảng, về Nhà nước Cách mạng, về mặt trận, về công đoàn, thanh niên, phụ nữ thường được đẩy mạnh vào những dịp kỷ niệm.

Đảng Cộng sản Việt Nam với tư cách là lực lượng lãnh đạo đã được đề cập trong nhiều công trình nghiên cứu về Đảng. Nhưng mối quan hệ của Đảng Cộng sản Việt Nam với các yếu tố cấu thành hệ thống chính trị mới dừng ở mức độ xem xét rất khái quát.

2.3. Trong các chuyên khảo, các bài tạp chí nghiên cứu về Nhà nước Cách mạng Việt Nam, điều thống nhất dễ nhận thấy là về thời điểm ra đời (2 - 9 - 1945), về hoạt động xây

dựng và củng cố chính quyền trên các phương diện tổ chức bộ máy, xây dựng pháp luật (từ ban hành các sắc luật tới thông qua hiến pháp đầu tiên vào 1946).

Đi tìm cội nguồn của nền chuyên chính cách mạng, có tác giả cho rằng những tổ chức tiền thân của nó đã xuất hiện từ năm 1930. Trước hết là Đảng của giai cấp công nhân được thành lập, rồi đến cơ cấu chính quyền tuy chưa xuất hiện, nhưng công cụ bạo lực của nó là tổ chức quân sự đã ra đời như tự vệ đỏ, rồi tự vệ cứu quốc. Các tổ chức quần chúng như Công hội, Nông hội, Thanh niên, Phụ nữ, Mặt trận dân tộc thống nhất cũng xuất hiện⁽¹⁶⁾, Ủy ban Mặt trận Việt Minh các cấp đã làm nhiệm vụ chính quyền hoặc bí mật, hoặc bán công khai và tồn tại song song với chính quyền địch trước ngày khởi nghĩa tháng Tám⁽¹⁷⁾.

Nhìn chung các bài nghiên cứu về Nhà nước chủ yếu mới dừng ở mức độ miêu tả quá trình hình thành, phát triển, phân tích nhiệm vụ, chức năng của nó trong từng giai đoạn lịch sử, tổng kết kết quả hoạt động trên một số phương diện ... Hiện tại, trong sử học chưa xuất hiện bài khảo cứu về nhà nước như là một chế định cơ bản của hệ thống chính trị có Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực trạng mối quan hệ của Nhà nước với Đảng dường như chưa được làm sáng tỏ.

2.4. Trong lịch sử Cách mạng nước ta, Mặt trận là một tổ chức xã hội đặc biệt - nơi qui tụ, biểu trưng ý chí đoàn kết dân tộc, nơi tập hợp sức mạnh của đông đảo các giai tầng xã hội: công nhân, nông dân, binh lính, trí thức, tư sản, tín đồ yêu nước của các giáo phái ... trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc vì độc lập, tự do và hạnh phúc của toàn dân.

Nhận thức về vai trò của Mặt trận; quá trình thử nghiệm xây dựng Mặt trận, sự hoạt động của Mặt trận ... đã là đối tượng nghiên cứu của giới sử học. Trong đó Mặt trận Việt Minh được nghiên cứu trên nhiều phương diện⁽¹⁸⁾.

Điều thống nhất trong giới nghiên cứu là khẳng định vai trò của Mặt trận Việt Minh trong quá trình vận động tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám. Tuy vậy, có hai ý kiến khác nhau về Mặt trận Việt Minh là một tổ chức xã hội có cơ cấu tổ chức xã hội hoàn thiện nhất, chặt chẽ nhất từ trung ương tới các địa phương và thích hợp với mọi lứa tuổi, mọi thành phần xã hội"⁽¹⁹⁾. Một ý kiến khác đánh giá vai trò Mặt trận Việt Minh vừa là một hình thức của Mặt trận dân tộc thống nhất, vừa là một tổ chức tiền thân nhà nước, lại vừa là một tổ chức chính trị có vai trò tổ chức lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945⁽²⁰⁾.

Nhưng đó là những đánh giá về Mặt trận thời kỳ trước 1945. Mặt trận Việt Minh sau 1945, rồi Mặt trận Liên - Việt, sau nữa là Mặt trận tổ quốc chưa được nghiên cứu nhiều. Đã có những bài đề cập các kinh nghiệm rút ra từ thời kỳ Mặt trận Việt Minh - Liên Việt⁽²¹⁾, nhưng vẫn vắng bóng các bài nghiên cứu, trong đó bên cạnh những thành tựu còn cần chỉ ra những hạn chế, những nhân tố làm cho Mặt trận hoạt động mang tính hình thức, đặc biệt là cần nghiên cứu về Mặt trận Tổ quốc từ 1975 đến nay.

Tạp chí NCLS đã công bố những bài viết về thanh niên⁽²²⁾, về phụ nữ⁽²³⁾, những bài viết đó cũng mới giới hạn trong khuôn khổ giới thiệu một chặng đường đấu tranh của phong trào thanh niên, phong trào phụ nữ.

2.5. Hiệp định Giơnevơ năm 1954 được ký kết. Đây cũng là mốc mới đánh dấu cuộc đấu tranh gian khổ của nhân dân cả nước và nhân dân miền Nam nói riêng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Lực lượng yêu nước miền Nam lại một lần nữa được tập hợp trong Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam để làm nhiệm vụ cứu nước. Các lực

lượng lãnh đạo Cách mạng miền Nam đã được các nhà sử học nghiên cứu dưới góc độ khác nhau.

Nguyễn Bình Minh đã nhìn nhận Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam (MT DTGPMN) với tư cách là ngọn cờ đại đoàn kết dân tộc, là khối liên minh của tất cả các tầng lớp, giai cấp, đảng phái, đoàn thể, tôn giáo, dân tộc và mọi tập đoàn, cá nhân cùng chung ý chí đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai⁽²⁴⁾.

Nguyễn Hoài lại xem xét MT DTGPMN như là tổ chức tiền thân của chính quyền cách mạng. Tác giả viết: "Sau tám năm rưỡi (từ 12-1960 đến 6-1969) MT DTGPMN đã có thể chuyển giao toàn bộ chức năng của chính quyền cách mạng (đối nội cũng như đối ngoại ...) cho một cơ cấu tổ chức hoàn chỉnh có hệ thống từ Trung ương đến các địa phương: Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam"⁽²⁵⁾.

Quan niệm tương tự có thể tìm thấy trong bài viết của Văn Tạo, song ông còn nhấn mạnh, về đại thể bộ máy chính quyền cách mạng ở miền Nam được coi như là một bộ phận đặc biệt của Nhà nước cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo chung của Đảng Cộng sản Việt Nam⁽²⁶⁾.

Tuy vậy, thực trạng mối quan hệ của bộ máy này với toàn bộ hệ thống chính trị, trước hết là với Đảng Cộng sản Việt Nam, với chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa được biểu hiện cụ thể như thế nào, dường như chưa được sử học tổng kết và đánh giá.

3. Hệ thống chính trị Ngụy quyền Sài Gòn

3.1. Với âm mưu xâm chiếm Việt Nam trở lại, ngay từ đầu 1945 thực dân Pháp đã dựng lên một chính phủ bù nhìn đề rồi đến tháng 7 năm 1954 phải nhiều lần thay đổi nội các. Mỹ hất cẳng Pháp ở miền Nam ngay từ 6-1954 khi chúng chuẩn bị đưa Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền.

Thề chế ngụy quyền Sài Gòn được nhiều nhà sử học quan tâm. Nguyễn Công Bình với việc tìm hiểu "bản chất chế độ độc tài, phát xít, gia đình trị Ngô Đình Diệm"⁽²⁷⁾. Bản chất giai cấp của chính quyền Ngô Đình Diệm, nguồn gốc và hoàn cảnh ra đời của chính quyền này, cũng như cơ sở giai cấp của nó được phác họa qua các bài viết của Cao Văn Lượng và Quỳnh Cư⁽²⁸⁾. Đặc biệt, vấn đề sử dụng giáo hội thiên chúa giáo như một yếu tố chính trị trong nền chính trị Mỹ-Diệm đã được Cao Văn Lượng khai thác⁽²⁹⁾. Thực chất của cơ cấu chính quyền thực dân mới ở miền Nam và những mâu thuẫn nội bộ ngụy quyền Sài Gòn cũng được các nhà sử học chú ý⁽³⁰⁾.

3.2. Có thể nói rằng đây là một hệ thống chính trị đối kháng với hệ thống chính trị Cách mạng trong xã hội Việt Nam hiện đại. Có lẽ cũng nên xem xét một điều là trong một cộng đồng dân tộc xuất hiện sự đấu tranh của hai xu thế chính trị đối lập thì sự tồn tại của hệ thống chính trị này là nguyên nhân buộc hệ thống chính trị đối lập kia phải có những đối sách thích ứng trong suốt quá trình đấu tranh loại trừ nhau, mà phần thắng thuộc về bên biết tạo ra, biết sử dụng những tình thế chính trị thuận lợi. Như vậy, sự hiện diện của hệ thống chính trị đối kháng này không thể không tác động, trước hết đến các mối quan hệ nội tại của bản thân hệ thống chính trị đối kháng kia. Do đó, việc nghiên cứu thề chế chính quyền Ngụy Sài Gòn là tìm hiểu mặt đối lập chính trị đã từng chi phối đến tổ chức mô hình cũng như đến cả quá trình vận động của Hệ thống chính trị cách mạng.

Thử phác họa một vài suy nghĩ

Tuy chưa lấy hệ thống chính trị của xã hội Việt Nam từ 1945 đến nay làm đối tượng

ngiên cứu lịch sử, nhưng qua tạp chí NCLS chúng ta thấy các nhà sử học đã quan tâm đến vấn đề Nhà nước, nền chuyên chính vô sản, các tổ chức chính trị, các đoàn thể xã hội dưới những góc độ và mức độ khác nhau. Song, khi đặt các đối tượng ấy trong một chính thể là Hệ thống chính trị của xã hội có những mối quan hệ cụ thể tạo ra sự vận động của hệ thống trong một giai đoạn lịch sử cụ thể để tìm hiểu những giải pháp, những phương thức vận hành nào của hệ thống còn được kế thừa, hoặc đã mất tính thực tiễn ... thì chưa phải đã được sử học giải quyết đầy đủ.

Trên cơ sở những tài liệu đã tham khảo, chúng tôi thử trao đổi một vài suy nghĩ ban đầu sau:

1 - Hệ thống chính trị cần được xem xét như là tổng thể thiết chế chính trị trong xã hội, tồn tại một cách hợp hiến và có những mối quan hệ nhất định tạo ra sự vận động của xã hội.

- Hệ thống chính trị có tính lịch sử, vì thế chẳng những phạm vi các yếu tố cấu thành của nó bị qui định bởi nhiệm vụ chính trị của giai cấp cầm quyền và tình thế chính trị đương đại, mà bản thân các mối quan hệ hệ thống cũng phải được điều chỉnh (về giải pháp, về phương thức) khi toàn bộ hệ thống chuyển sang một thời đoạn lịch sử mới. Chẳng hạn, phương thức lãnh đạo của Đảng ta trong chiến tranh cách mạng với mục đích là giải phóng dân tộc không thể là vận năng, "sao y" để vận dụng trong thời kỳ cả nước thực hiện nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ tổ quốc (ở đây chúng tôi hiểu "phương thức" là biểu hiện cụ thể mối quan hệ qua lại giữa Đảng và các yếu tố cấu thành khác nhau của toàn bộ Hệ thống chính trị).

2. *Thế ứng xử chính trị* trong một hệ thống chính trị của một xã hội ở vào một thời kỳ phát triển cụ thể sẽ qui định *mô hình hệ thống chính trị*. Sự tồn tại và phát triển của mỗi mô hình là tùy thuộc vào phương thức quan hệ giữa các yếu tố của hệ thống, mà vai trò quan trọng thuộc về các mối quan hệ chủ đạo. Trong hệ thống chính trị của nước ta mối quan hệ chủ đạo ấy là mối quan hệ giữa Đảng và các yếu tố cấu thành khác, trước hết là Nhà nước. Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, là lực lượng tổ chức và lãnh đạo hệ thống chính trị. Những tư tưởng, đường lối của Đảng được cụ thể hóa trong hoạt động của Nhà nước và các tổ chức xã hội khác. Nhà nước là chế định cơ bản của hệ thống chính trị có những đặc trưng chủ yếu là: bộ máy chính quyền; Pháp luật và lãnh thổ (nơi luật pháp có hiệu lực). Thực trạng mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước ở từng thời kỳ lịch sử cụ thể phải được đánh giá đúng mức. Sự đánh giá này là tiền đề quan trọng để đổi mới Hệ thống chính trị trong giai đoạn hiện nay.

CHÚ THÍCH

(1) *Triết học Mác - Lênin, Chương trình cao cấp, Tập 3, tr. 114-115*

(2) *Luật Nhà nước. Giáo trình đại học. Khoa Luật ĐHTH, 1992.*

(3) *Tố Thanh. Cuộc đấu tranh nhằm củng cố và giữ vững chính quyền cách mạng ở Nam Bộ, tạp chí Nghiên cứu lịch sử (NCLS) số 229; 1968, tr. 15-25 và Vấn đề đại đoàn kết toàn dân để củng cố và giữ vững chính quyền cách mạng thời kỳ 1945-1946. Tạp chí NCLS, số 236-237, 1987, tr. 18-22.*

(4) *Văn Tạo. Vài nét về quá trình xây dựng và phát triển của Nhà nước cách mạng Việt Nam 20 năm qua. Tạp chí NCLS số 77, 1965, tr. 12-27, và Nhà nước Cách mạng Việt Nam (1945-1985) tạp chí NCLS số 223, 1985, tr. 1-10; NCLS số 224, 1985, tr. 20-25.*

- (5), (6), (7) Văn Tạo. Bài đã dẫn, NCLS, số 77 tr. 19, 20.
- (8) Văn Tạo. Bài đã dẫn, NCLS, số 77 tr. 24.
- (9), (10), (11) Văn Tạo. Bài đã dẫn, NCLS số 223, 1985, tr. 1, 2, 3.
- (12) Văn Tạo. Bài đã dẫn, NCLS số 224, tr. 22.
- (13) Văn Tạo. Bài đã dẫn, NCLS số 223, tr. 3.
- (14) Văn Tạo. Một vài kinh nghiệm rút ra từ thời kỳ Mặt trận Việt Minh - Liên - Việt. Tạp chí NCLS, số 225, 1991, tr. 7.
- (15) Vũ Thị Phụng. Từ việc nghiên cứu lịch sử Nhà nước pháp luật Việt Nam hiện đại đến những vấn đề thực tiễn hiện nay. Tạp chí NCLS, số 258, 1991, tr. 51.
- (16), (17) Văn Tạo. Bài đã dẫn, NCLS, số 223, tr. 1.
- (18) Xem Tạp chí NCLS, số 225, 1991 (Đặc san kỷ niệm 50 năm Mặt trận Việt Minh).
- (19) Phạm Mai Hùng. Cơ sở tạo nên sức mạnh của mặt trận Việt Minh. Tạp chí NCLS, số 225, 1991, tr. 20.
- (20) Ngô Đăng Tri. Về chức năng của Mặt trận Việt Minh trước ngày Cách mạng tháng Tám thắng lợi. Tạp chí NCLS, số 225, 1991, tr. 22-28.
- (21) Văn Tạo. Một vài kinh nghiệm rút ra từ thời kỳ Mặt trận Việt Minh - Liên Việt. Tạp chí NCLS, số 225, 1991, tr. 5-12.
- (22) Trần Huy Liệu. Giới thiệu quá trình hoạt động của thanh niên Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tạp chí NCLS, số 22, 1961, tr. 6-17.
- (23) Trần Huy Liệu. Ba mươi năm đấu tranh của phụ nữ Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tạp chí NCLS, số 13, 1960, tr. 1-12
- (24) Nguyễn Bình Minh. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, ngọn cờ đại đoàn kết, ngọn cờ tất thắng, Tạp chí NCLS, số 57, 1963, tr. 3-7.
- (25) Nguyễn Hoài. Từ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đến Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam. Tạp chí NCLS số 153, 1973, tr. 1-14.
- (26) Văn Tạo. Bài đã dẫn, NCLS số 224, 1985, tr. 21.
- (27) Nguyễn công Bình. Bàn về bản chất chế độ độc tài phát xít, gia đình trị Ngô Đình Diệm với những mâu thuẫn bế tắc của nó. Tạp chí NCLS, số 22, 1960, tr. 23-31.
- (28) Cao Văn Lượng. Bản chất giai cấp của chính quyền Ngô Đình Diệm. Tạp chí NCLS, số 24, 1961, tr. 4-14; Quỳnh Cư: Về mâu thuẫn của ngụy quyền Sài Gòn trong giai đoạn chiến tranh cục bộ hiện nay. Tạp chí NCLS, số 113, 1968, tr. 14-31, và số 117, 1968, tr. 20-27; Quỳnh Cư: Mấy nét về cơ sở giai cấp của ngụy quyền Sài Gòn thời kỳ 1954-1975. Tạp chí NCLS, số 177, tr. 15-27.
- (29) Cao Văn Lượng. Âm mưu lợi dụng giáo hội thiên chúa giáo đàn áp phong trào cách mạng miền Nam của Mỹ-Diệm. Tạp chí NCLS, số 48, 1963, tr. 2-11.
- (30) Ngô Phương Bá. Cơ cấu chính quyền thực dân mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Tạp chí NCLS, số 77, 1977, tr. 28-41.